TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/10/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận

2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 813/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 71/2020/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà LTTT, sinh năm 1981; thường trú: 340/17/4/6 đường THC, KP10,phường TCH, Q12, Thành phố HCM; tạm trú: 5/1 khu phố T, phường VP, thành phố TA, tỉnh BD, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông VMC, sinh năm 1973; thường trú: 257B ĐBP, P17, Quận BT, Thành phố HCM; tạm trú: 5/1 khu phố T, phường VP, thành phố TA, tỉnh BD, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2020, bản tự khai ngày 05/8/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà LTTT *trình bày:*

Bà LTTT và ông VMC tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 25/01/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, mâu thuẫn về kinh tế ông C không đi làm, thường xuyên uống rượu về mắng chửi, đánh đập vợ con. Nay bà LTTT xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên

yêu cầu được ly hôn với ông VMC.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng 03 con chung tên VLMT, sinh ngày 04/5/2001, VLGB, sinh ngày 11/7/2004 và VMHĐ, sinh ngày 08/6/2013. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung VLBG, sinh ngày 11/7/2004 và VMHĐ, sinh ngày 08/6/2013, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung VLMT, sinh ngày 04/5/2001 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông VMC không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông VMC, có đăng ký tạm trú tại địa chỉ 15/1 khu phố T, phường VP, thành phố TA, tỉnh BD nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; nợ chung. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn- bà LTTT có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn – ông VMC đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà LTTT và ông VMC có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 25/01/2000 nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Bà LTTT khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông VMC với lý do: vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, mâu thuẫn về kinh tế ông C không đi làm, thường xuyên uống rượu về mắng chửi, đánh đập vợ con. Vợ chồng sống chung nhau nhưng mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai.

Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà T và ông C tại nơi cư trú của vợ chồng đều xác định tình trạng hôn nhân của T và ông C, tuy nhiên địa phương không rõ, ông C không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia tố tụng xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng bà T và ông C vì bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống có nhiều mâu thuẫn. Từ khi bà T nộp đơn khởi kiện đến nay tình trạng hôn nhân của bà T và ông C vẫn không cải thiện, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống nên xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà T và ông C không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà T và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà T và ông C có 03 con chung tên VLMT, sinh ngày 04/5/2001, VLGB, sinh ngày 11/7/2004 và VMHĐ, sinh ngày 08/6/2013, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung VLGB, sinh ngày 11/7/2004 và VMHĐ, sinh ngày 08/6/2013, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung VLMT, sinh ngày 04/5/2001 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Ông C không có văn bản trình bày ý kiến. Quá trình tố tụng, Tòa án lấy lời khai cháu VLGB và VMHĐ, các con chung đều xác định có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Xét thấy, từ khi vợ chồng mâu thuẫn, bà Trinh là người chăm sóc, nuôi dưỡng các con, có trách nhiệm với con cái nên các con phát triển bình thường, khỏe mạnh, học hành đầy đủ. Do vậy, cần tiếp tục giao con cho bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con, phù hợp với nguyện vọng của các con nên chấp nhận yêu cầu này của bà T. Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà LTTT về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với ông VMC.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà LTTT được ly hôn với ông VMC.

- Về con chung: Giao con chung VLGB, sinh ngày 11/7/2004 và VMHĐ, sinh ngày 08/6/2013 cho bà LTTT trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ông VMC không phải cấp dưỡng nuôi con

Đối với con chung VLMT, sinh ngày 04/5/2001 đã trên 18 tuổi nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà LTTT phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0046989 ngày 22/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- THADS thành phố Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

Vũ Thị Nhâm